

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
LĐ-TB VÀ XH - NN&PTNT - TC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 646 /CVĐN-LN

Quảng Trị, ngày 04 tháng 5 năm 2013

V/v Hướng dẫn triển khai dạy nghề cho
lao động nông thôn.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệu trưởng, Giám đốc các cơ sở dạy nghề.

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH, ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 1956; Thông tư Liên tịch số 128/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 9/8/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư Liên tịch số: 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT về việc hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ kết quả cuộc họp liên ngành: Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư và Kho bạc nhà nước tỉnh ngày 14/3/2013 về phân cấp kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn đến các huyện, thị xã, thành phố;

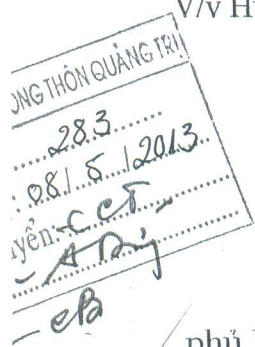
Liên ngành: Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn triển khai nhiệm vụ dạy nghề cho lao động nông thôn từ năm 2013 như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh học nghề:

Đối tượng tuyển sinh học nghề là lao động nông thôn trong độ tuổi lao động (từ 16-60 tuổi đối với nam - từ 16-55 tuổi đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định việc cho phép những lao động lớn tuổi, là lao động chính trong gia đình được học nghề phù hợp sức khỏe theo chính sách trong Quyết định 1956 để giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho hộ gia đình.

Ưu tiên dạy nghề cho các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác khi Nhà nước thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh.

* Cơ sở xác định đối tượng ưu tiên học nghề:



+ Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được xác định theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Mục I Thông tư số 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 20/11/2006 hướng dẫn chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ;

+ Hộ nghèo, hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập hộ nghèo được xác định theo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, (hộ nghèo ở khu vực nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng - từ 4.800.000 đồng/người/năm trở xuống, hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng - từ 6.000.000 đồng/người/năm trở xuống);

+ Người tàn tật được xác định theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 và Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23/4/2004 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động là người tàn tật;

+ Người bị thu hồi đất canh tác được xác định theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 3 điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

2. Chính sách đối với người học, giáo viên dạy nghề:

Chính sách đối với người học, giáo viên dạy nghề thực hiện theo điểm 1, 2 Mục III - Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định về mức chi hỗ trợ miễn phí cho từng nghề học và Quyết định số 08/2013-QĐ-UBND ngày 8/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị bổ sung danh mục nghề đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

3. Điều kiện để các cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn:

- Cơ sở tham gia dạy nghề trình độ sơ cấp nghề phải có đủ các điều kiện để hoạt động dạy nghề theo quy định tại Thông tư số 29/2011/TT-BLĐTBXH ngày 24/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đối với nghề đào tạo.

- Đối với các nghề có thời gian đào tạo dưới ba tháng, cơ sở dạy nghề phải chuẩn bị đủ các điều kiện để dạy nghề và được Sở Lao động - Thương binh và Xã

hội kiểm tra, thông báo bằng văn bản về nghề đào tạo, quy mô đào tạo đối với từng nghề. Các điều kiện để dạy nghề, gồm:

+ Có đội ngũ giáo viên hoặc người dạy nghề có chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm thực tế về nghề sẽ tổ chức đào tạo; đã được bồi dưỡng kỹ năng dạy nghề cho lao động nông thôn và phải có ít nhất 2 giáo viên hoặc người dạy nghề trực tiếp giảng dạy ở 1 lớp dạy nghề;

+ Có đủ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện dạy nghề phù hợp với nghề sẽ tổ chức đào tạo và số lượng người học;

+ Có chương trình, giáo trình, tài liệu dạy nghề của nghề sẽ tổ chức đào tạo được xây dựng và phê duyệt phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi và điều kiện của người học ở từng vùng, miền; chương trình đào tạo phải xác định rõ thời gian đào tạo và thời gian thực học của từng nghề.

4. Xây dựng kế hoạch dạy nghề hàng năm:

4.1 Cơ sở để xây dựng kế hoạch dạy nghề:

- Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ngắn hạn và trung hạn của địa phương năm kế hoạch, đề án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới ở cấp xã được UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã phê duyệt.

- Nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ;

- Nhu cầu tuyển lao động xuất khẩu;

- Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn để giải quyết việc làm tại chỗ thông qua các mô hình sản xuất đạt hiệu quả;

- Khả năng tài chính dành cho dạy nghề của địa phương, cơ sở dạy nghề trong năm.

4.2 Xây dựng kế hoạch dạy nghề:

a) Đối với các địa phương:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT về việc hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 459/SLĐTBXH-DN ngày 04/5/2011 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn triển khai Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ để phân công trách nhiệm cho các phòng ban chuyên môn, UBND cấp xã, các trung tâm dạy nghề tổ chức thực hiện đề án dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. Trong đó cần lưu ý:

+ Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, là đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo 1956 của địa phương chịu trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện dạy nghề phi nông nghiệp hàng năm; Tổng hợp kế hoạch, dự toán kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để Sở tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch.

- Phối hợp Phòng Tài chính thẩm định hồ sơ, dự toán kinh phí, danh sách học viên đăng ký học nghề phi nông nghiệp trình UBND huyện phê duyệt kế hoạch dạy nghề chi tiết của địa phương sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch.

- Lập hồ sơ theo dõi diễn biến việc làm, thu nhập của đối tượng được dạy nghề qua từng năm.

+ Giao Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế):

- Xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện dạy nghề nông nghiệp hàng năm, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Phối hợp Phòng Tài chính thẩm định hồ sơ, dự toán kinh phí, danh sách học viên đăng ký học nghề nông nghiệp trình UBND huyện phê duyệt kế hoạch dạy nghề chi tiết của địa phương sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch.

b) Đối với các cơ sở dạy nghề:

Thực hiện trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề trong việc tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn theo quy định tại Điều 7, Thông tư Liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT ngày 12/12/2012 của Liên Bộ về hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong đó cần lưu ý:

- Phải chuẩn bị đủ các điều kiện để dạy nghề theo quy định và phải được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thông báo bằng văn bản về nghề đào tạo, quy mô đào tạo đối với từng nghề, cơ sở dạy nghề mới được tiến hành tuyển sinh đào tạo.

- Tổ chức tuyển sinh học nghề đúng nghề đào tạo, đối tượng, số lượng người học, địa bàn tuyển sinh nêu trong hợp đồng đào tạo nghề ký với UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Không tổ chức dạy và học nghề khi người lao động không dự báo được nơi làm và mức thu nhập với việc làm có được sau khi học.

c) Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính, Thông tin và truyền thông, căn cứ chức năng chuyên môn, thực hiện trách nhiệm về tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số

30/2012/TTLT-BLĐT BXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT ngày 12/12/2012 của Liên Bộ.

5. Phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh toán kinh phí Đề án:

5.1 Phân bổ kinh phí thực hiện Đề án:

Kinh phí hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn từ nguồn Chương trình MTQG Việc làm và Dạy nghề được Ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm. Năm 2013, nguồn kinh phí này được UBND tỉnh giao các địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) quản lý và sử dụng tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 03/4/2013.

Ngoài kinh phí hỗ trợ của Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG Việc làm và Dạy nghề hàng năm, các địa phương chủ động bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực khác dành cho dạy nghề gắn kết với hỗ trợ việc làm và cải thiện sinh kế từ các chương trình, đề án như đề án dạy nghề cho phụ nữ, chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, ... để đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch dạy nghề và phát huy hiệu quả từ các ngành nghề được đào tạo.

5.2 Quản lý, sử dụng và thanh toán kinh phí Đề án:

Việc lập, phân bổ, giao dự toán, quản lý sử dụng, hạch toán và quyết toán kinh phí Đề án thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật; quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành theo Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn (nếu có). Kinh phí thực hiện Đề án được phân bổ theo loại, khoản tương ứng, hạch toán theo mã số Chương trình Mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề 0250 và theo mã số Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn 0256.”

Phân cấp về cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, quyết toán kinh phí cấp huyện, thị xã, thành phố; Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí đối với các đơn vị cấp tỉnh.

- Kho bạc nhà nước các huyện, thị xã, Phòng Giao dịch KBNN tỉnh thực hiện kiểm soát thanh toán theo phân cấp; KBNN tỉnh thực hiện kiểm soát thanh toán đối với các đơn vị cấp tỉnh.

Các đơn vị được giao sử dụng kinh phí, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

6. Tổ chức thực hiện:

a) Gửi báo cáo kế hoạch dạy nghề:

- Trên cơ sở đối tượng và các chính sách dạy nghề được hưởng quy định tại điểm 1, 2 Mục III - Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ

tướng Chính Phủ và hướng dẫn nêu tại điểm 4 công văn này, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị dạy nghề thuộc tỉnh quản lý có đăng ký dạy nghề cho lao động nông thôn tổng hợp kế hoạch, dự toán chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn của địa phương, của đơn vị dạy nghề (theo mẫu số 1 đính kèm) gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với nghề phi nông nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nghề nông nghiệp) trước 31/3 hàng năm. riêng năm 2013 gửi trước ngày 15/5/2013.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, phối hợp Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp kế hoạch, dự toán chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn của địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị dạy nghề thuộc tỉnh quản lý gửi đến, trình UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức thực hiện.

b) Ký hợp đồng dạy nghề:

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, Phòng NN&PTNT (hoặc Kinh tế đối với thị xã, thành phố) tiến hành ký hợp đồng dạy nghề với các đơn vị dạy nghề có đủ điều kiện theo quy định đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra cấp phép và thẩm định, có thông báo bằng văn bản.

• Hồ sơ ký hợp đồng gồm:

- Kế hoạch dạy nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho lao động nông thôn (theo mẫu số 1 gửi kèm);

- Đơn xin học nghề của người học (theo mẫu số 2 gửi kèm);

- Danh sách học viên học nghề, lưu ý phân loại đối tượng theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg (theo mẫu số 3 gửi kèm);

- Dự toán chi tiết kèm thuyết minh kinh phí cho các lớp nghề đào tạo theo mẫu số 4 đính kèm (cơ sở lập dự toán chi phí đào tạo thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 08/2013-QĐ-UBND ngày 8/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị bổ sung danh mục nghề đào tạo nghề cho lao động nông thôn và điểm 1, 2 Mục III - Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính Phủ).

- Chương trình đào tạo mỗi nghề theo kế hoạch.

Hồ sơ ký hợp đồng dạy nghề nêu trên được lập thành 02 bản để lưu hồ sơ đào tạo.

• Ký hợp đồng dạy nghề:

- Đối với các đơn vị dạy nghề thuộc tỉnh quản lý:

+ Sở Lao động - Thương binh & Xã hội thẩm định hồ sơ, ký hợp đồng dạy nghề với cơ sở dạy nghề các nghề phi nông nghiệp.

+ Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (Chi cục phát triển nông thôn) thẩm định hồ sơ, ký hợp đồng dạy nghề với cơ sở dạy nghề các nghề nông nghiệp.

- UBND huyện, thị xã, thành phố:

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ, ký hợp đồng dạy nghề với cơ sở dạy nghề các nghề phi nông nghiệp.

+ Phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc Kinh tế đối với thị xã, thành phố) thẩm định hồ sơ, ký hợp đồng dạy nghề với cơ sở dạy nghề các nghề nông nghiệp.

c) Tuyển sinh dạy nghề:

- Sau khi ký hợp đồng dạy nghề, các đơn vị dạy nghề tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, kèm theo đơn đăng ký học nghề của người học và danh sách học viên học trình Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xác nhận trước khi tổ chức mở lớp đào tạo.

- Trong quá trình tổ chức mở lớp, nếu có thay đổi về nghề, thời gian, tiến độ đào tạo, số lượng học viên theo kế hoạch và danh sách học viên đã duyệt, các đơn vị dạy nghề báo cáo kịp thời về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét điều chỉnh.

- Kết thúc các lớp học nghề, đơn vị dạy nghề báo cáo kết quả học nghề và những tồn tại, vướng mắc cần xử lý rút kinh nghiệm về UBND huyện, thị xã, thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước 25/12 hàng năm (theo mẫu số 6 gửi kèm).

7. Công tác giám sát, đánh giá và chế độ báo cáo:

- UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện đầy đủ các nội dung, chỉ tiêu giám sát, đánh giá theo quy định tại Quyết định số 1582/QĐ-LĐTBXH ngày 02/12/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công văn số 1468/LĐTBXH-ĐTN ngày 19/12/2011 và Công văn số 1173/LĐTBXH-ĐTN ngày 14/9/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn giám sát dạy nghề cho lao động nông thôn theo đề án 1956.

(Các chỉ tiêu giám sát, đánh giá và thời gian báo cáo theo mẫu số 5 gửi kèm).

- Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện việc giám sát, đánh giá của địa phương báo cáo về cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp tỉnh (Sở Lao động-Thương binh và Xã hội) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội theo quy định.

8. Thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm:

- UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cơ sở vật chất, tìm kiếm việc làm mới để huy động lao động tham gia học nghề đồng thời yêu cầu các cơ sở dạy nghề công khai chi phí và các chính sách hỗ trợ

cho người học nghề. Tổ chức kiểm tra, giám sát, kiến nghị BCD 1956 huyện xử lý những sai phạm (nếu có) của các cơ sở dạy nghề.

- Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện, các cơ quan chuyên môn của tỉnh tổ chức kiểm tra đột xuất, định kỳ tại các địa phương có mở lớp dạy nghề cho lao động nông thôn. Tiến hành xử lý đối với các cơ sở dạy nghề vi phạm hợp đồng dạy nghề hoặc những sai phạm trong quá trình tổ chức dạy nghề. Việc xử lý vi phạm, mức xử phạt về vi phạm dạy nghề được thực hiện theo hướng dẫn Nghị định 116/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề.

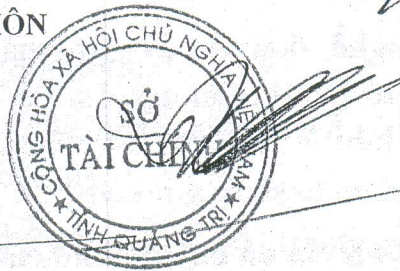
Trên đây là toàn bộ nội dung hướng dẫn thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ năm 2013 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính Phủ. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội (cơ quan thường trực Đề án 1956 cấp tỉnh) để xem xét, giải quyết./.

PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Đào Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH



Hồ Minh Tuấn

PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Ngô Thanh Hùng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH



Trần Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- Như trên,
- UBND tỉnh (b/c),
- Các Sở: LĐTĐ, NN&PTNT, TC,
- Kho bạc nhà nước tỉnh,
- Chi cục PTNT;
- VT, DN₂.

Đơn vị lập kế hoạch dạy nghề:

Mẫu số 1

KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM

Kính gửi:

TT	Ngành nghề/ cơ sở đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian	Trên độ đào tạo	Địa điểm đào tạo	Số lớp	Số người	Kinh phí đào tạo (Triệu đồng)		
								Trung ương	Địa phương	Người khác
1	Nghề									
2									
3										
..										
.....										
	Tổng cộng									

Thủ trưởng đơn vị lập kế hoạch dạy nghề

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC NGHỀ

Họ và tên: : Nam, : Nữ
Sinh ngày.....thángnăm Dân tộc:Tôn giáo:.....
Số CMTND:Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Chỗ ở hiện tại:
Trình độ học vấn:Điện thoại liên hệ:

Đối tượng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg (Đề nghị đánh dấu vào 1 trong 3 ô trống):

Người có công với cách mạng và con của họ (ghi rõ con liệt sỹ, con thương binh nặng, con bệnh binh nặng,) hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác.

.....
 Người thuộc hộ cận nghèo.

Đối tượng lao động nông thôn khác.

Tôi chưa được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Quyết định 1956; chưa được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước. Nay tôi làm đơn đăng ký học nghề:

..... do (CSDN):.....

.....tổ chức đào tạo tại:.....

Dự kiến việc làm sau khi học (Đề nghị đánh dấu vào 1 trong 4 ô trống):

Tự tạo việc làm Được doanh nghiệp, đơn vị bao tiêu sản phẩm Được doanh nghiệp, người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động Đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Nếu được tham gia lớp học, tôi xin chấp hành nội quy lớp học, quy định của cơ sở dạy nghề.

Tôi xin cam đoan những thông tin trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu có gì không đúng, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Xác nhận của UBND xã: , ngày tháng năm 20.....

Xác nhận Ông (bà) có hộ khẩu

thường trú/tạm trú tại xã:.....

và thuộc diện đối tượng (1):

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TM. UBND xã

(Ký tên và đóng dấu)

(1) Ghi cụ thể đối tượng của người có đơn đăng ký học nghề.

Tên cơ sở dạy nghề:

DANH SÁCH HỌC VIÊN

Tên nghề:
 Cấp trình độ đào tạo:
 Số lượng học viên:
 Địa điểm đào tạo:
 Thời gian đào tạo:
 Tiến độ đào tạo: tháng; Từ ngày ... tháng ... năm 201 .. đến ngày ... tháng ... năm 201 ...
 Số tiết (giờ) học: Tổng số tiết: tiết, trong đó: Lý thuyết: tiết; thực hành..... tiết; giám sát: tiết.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Số giấy chứng nhận hộ nghề (nếu có)	Ghi chú (nếu là đối tượng chính sách không phải là hộ nghề)
		Nam	Nữ			
1						
2						

**Trưởng phòng LĐ-TB và XH
 Huyện/Thành phố/Thị xã....**

Giám đốc/Hiệu trưởng CSDN
 (Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận những học viên trên chưa qua đào tạo nghề
 Và là học viên thuộc diện chính sách./.
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ sở dạy nghề:

Mẫu số 4

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM

Tên nghề:

Số lượng học viên:

Địa điểm đào tạo:

Kinh phí đào tạo:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Thuê mướn				
1	Thuê phòng học				
2	Thuê giáo viên				
				
B	Chi phí chuyên môn, nghiệp vụ				
1	Vật liệu				
2	Thiết bị dạy học				
..	...				
C				
..				

Hiệu trưởng/Giám đốc CSDN
(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán

MỘT SỐ CHỈ TIÊU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020.

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Thời điểm, phương pháp thu thập
I. CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	1. Số địa phương đã xây dựng quy chế hoạt động của ban chỉ đạo.	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
	2. Số đoàn công tác đi hướng dẫn, kiểm tra các địa phương (xã) về triển khai và thực hiện Đề án.	
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	1. Tổng số lớp dạy nghề đã tổ chức, <i>phân theo 4 nhóm: (nông nghiệp, làng nghề, công nghiệp - dịch vụ và đánh bắt xa bờ).</i>	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
	2. Số LĐNT được học nghề trong năm, <i>phân theo:</i> - Học nghề thường xuyên dưới 3 tháng (<i>nông nghiệp, làng nghề, công nghiệp - dịch vụ và đánh bắt xa bờ.</i>) - Đặt hàng dạy nghề (Trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề) - Nhóm đối tượng được hỗ trợ (3 nhóm đối tượng).	
	3. Tỷ lệ LĐNT được học nghề trong năm Số LĐNT được học nghề bằng: [$\frac{\quad}{\text{Tổng số người có nhu cầu học nghề}}$]	Theo báo cáo và kết quả kiểm tra, giám sát 6 tháng, 1 năm
	5. Số nghề đã được biên soạn mới chương trình, giáo trình, phân theo: - Trình độ đào tạo (Sơ cấp nghề, dạy nghề dưới 3 tháng). - Nhóm nghề đào tạo (nông nghiệp, phi nông nghiệp).	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
	6. Số giáo viên/người dạy nghề được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề.	
	7. Số cán bộ, công chức xã được đào tạo bồi dưỡng.	
	8. Số hộ được vay vốn (phân theo các nguồn: ngân hàng Chính sách - Xã hội, Quỹ QG GQVL... học nghề).	
	9. Kinh phí đã sử dụng phân theo nguồn (trung ương, địa phương, nguồn khác).	Theo dõi và báo cáo số liệu thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm
10. Số doanh nghiệp/đơn vị tham gia ký kết hợp đồng 3 bên, phân theo: - Loại hình doanh nghiệp. - Ngành nghề sản xuất - kinh doanh. - Hình thức hỗ trợ (tuyển dụng, bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ khác...)		
	1. Số LĐNT sau khi học nghề làm đúng với nghề được đào tạo, phân theo:	

III. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DẠY NGHỀ CHO LĐNT	tác, hợp tác xã, doanh nghiệp... - Số LĐNT tự tạo việc làm. - Số LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng.	Theo báo cáo và kết quả kiểm tra, giám sát 6 tháng, 1 năm
	2. Tỷ lệ LĐNT làm đúng với nghề được đào tạo, phân theo 3 nhóm ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ Tỷ lệ được tính bằng: $\left[\frac{\text{Số LĐNT sau khi học nghề làm đúng với nghề được đào tạo}}{\text{Số LĐNT đã tham gia học nghề}} \right]$	
	3. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo sau 1 năm học nghề.	
	4. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ khá (1) (thống kê sau 1 năm học nghề).	
	5. Số doanh nghiệp/đơn vị thực hiện theo đúng cam kết đã ký.	
	6. Số xã có hộ sau học nghề trở thành khá (tỷ lệ từ 10% trở lên (thống kê sau 1 năm học nghề).	
	7. Tỷ lệ lao động trong xã chuyển từ lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp sau học nghề.	

Ghi chú:

Đối với cấp huyện: Địa phương được thống kê theo số xã

⁽¹⁾ Hộ khá: là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người/năm cao hơn mức tiêu chí về thu nhập (Tiêu chí số 10) theo Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Tên cơ sở dạy nghề:

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT THÚC LỚP HỌC

1. Tên nghề đào tạo:

2. Thời gian đào tạo: Từ ngày..... tháng năm 201... đến ngày.... tháng ... năm...

3. Địa điểm đào tạo:

4. Địa bàn tuyển sinh:

- Thôn xã..... huyện..... Số lượng:..... người Nam:..... Nữ:.....

- Thôn xã..... huyện..... Số lượng:..... người Nam:..... Nữ:.....

- Thôn xã..... huyện..... Số lượng:..... người Nam:..... Nữ:.....

- Thôn xã..... huyện..... Số lượng:..... người Nam:..... Nữ:.....

5. Tổng số học viên của lớp học: người. Nam người Nữ người

5.1 Số học viên thuộc diện: Người, Trong đó:

- Người có công cách mạng: Người

- Hộ nghèo: Người

- Người dân tộc thiểu số: Người

- Người tàn tật: Người

- Người bị thu hồi đất canh tác: Người

- Người thuộc hộ cận nghèo: Người

- Lao động thanh niên: Người

5.2 Lao động nông thôn khác: Người

6. Kết quả học tập:

6.1 Số học viên hoàn thành thời gian khoá học: Người %/tổng số

Số học viên bỏ học: Người %/tổng số

6.2 Số học viên đạt kết quả thi: Người %/tổng số

- Số học viên đạt loại giỏi: Người %/tổng số

- Số học viên đạt khá Người %/tổng số

- Số học viên đạt trung bình Người %/tổng số

6.3 Số học viên không đạt Người %/tổng số

6.4 Tổ chức việc làm sau khoá học:

- Hợp đồng lao động (nếu có):..... Người Nam..... Nữ

- Hợp đồng bao tiêu sản phẩm (nếu có): Người Nam..... Nữ

- Tự tạo việc làm: Người Nam..... Nữ

- Số học viên không có việc làm: Người/tổng số học viên Nam..... Nữ ..

7. Những vấn đề cần bổ sung:

- Tên nghề, chương trình, tài liệu giảng dạy

- Tuyển sinh, tổ chức đào tạo:

- Trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, doanh nghiệp

8. Những vướng mắc, khó khăn và kiến nghị:

(Từng nội dung cần nêu rõ cụ thể, không đưa ra ý kiến chung chung)

8.1 Vướng mắc, khó khăn:

8.2 Kiến nghị:

Người lập báo cáo

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)